BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT **TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04 /TB-ĐHLN-KHCN	*Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2022*

THÔNG BÁO

Đề xuất nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ thực hiện "Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030"

Căn cứ Quyết định số 3683/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh về việc Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030;

Căn cứ công văn số 1469/SKHCN-QLCNg ngày 15/12/2021 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ninh về việc đặt hàng, đề xuất nhiệm vụ KH&CN thực hiện "Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030".

Nhà trường thông báo đến các đơn vị, cá nhân trong Trường xây dựng đề xuất các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ năm 2022, các nhiệm vụ đề xuất phải phù hợp với nhu cầu thực tiễn, giải quyết các vấn đề KH&CN thuộc phạm vi của tỉnh Quảng Ninh.

Tổ chức, cá nhân gửi đề xuất nhiệm vụ (02 bản) về Trường qua Phòng KH&CN (Ông Trần Hải Long, P405, Nhà A2) trước ngày 21/01/2022, bản mềm gửi qua Email: *longth@vnuf.edu.vn*.

Các mẫu biểu và thông tin chi tiết được đăng tải trên cổng thông tin điện tử Phòng KH&CN, địa chỉ: *http://khcn.vnuf.edu.vn/dt-da-cap-dia-phuong*.

Nhà trường tổ chức rà soát, gửi các đề xuất nhiệm vụ KH&CN về Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ninh trước ngày 25/01/2022./.

Nơi nhận:
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các đơn vị trong Trường;
- Lưu VT, KHCN.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Bùi Thế Đồi

UBND TỈNH QUẢNG NINH **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1469 /SKHCN-QLCNg	*Quảng Ninh, ngày 15 tháng 12 năm 2021*
V/v tổ chức thực hiện "Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030"	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 805
Ngày 24 tháng 12 năm 2021

- Thầy An - CTHDT
- Thầy Đỗ - PHT
- P. KHCN

Kính gửi: Đại học Lâm nghiệp

Căn cứ Quyết định số 3683/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 của UBND tỉnh về việc "Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030" trong đó giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức triển khai. Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị các Sở, Ban, Ngành, các Huyện, Thị xã, Thành phố triển thực hiện các nội dung sau:

I. Xác định nhiệm vụ thuộc chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030 (gọi tắt là Chương trình)

Nhiệm vụ thuộc Chương trình bao gồm các nhiệm vụ thường xuyên và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình.

1. Nhiệm vụ thường xuyên thuộc Chương trình:

Là loại nhiệm vụ thực hiện trong khoảng thời gian ngắn, việc tổ chức triển khai không cần huy động sự tham gia của nhiều tổ chức, cá nhân và được thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán kinh phí sự nghiệp hàng năm của các Sở, Ban, Ngành, các Huyện, Thị xã, Thành phố. Bao gồm:

- Hỗ trợ theo Nghị quyết Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân.

- Tổ chức các cuộc thi, đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm, thanh kiểm tra… có nội dung thực hiện thuộc phạm vi Chương trình.

- Hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình và vinh danh, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ tại các hội nghị đó.

- Công tác tuyên truyền các nội dung thuộc Chương trình.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình:

- Các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có mục tiêu xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của địa phương và các sản phẩm gắn với chương trình OCOP;

- Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và các sản phẩm gắn với chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm được bảo hộ theo chuỗi giá trị;

- Các dự án hình thành, phát triển từ khai thác tài sản trí tuệ như khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích của Việt Nam được bảo hộ, sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ hoặc hết thời hạn bảo hộ tại Việt Nam, kết quả các đề tài, dự án có các nội dung được áp dụng trong phạm vi của Chương trình.

- Yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình:

+ Có tính cấp thiết, phù hợp với mục tiêu, nội dung Chương trình và định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, khoa học và công nghệ của địa phương;

+ Nhiệm vụ phải hình thành nên tài sản trí tuệ mới hoặc nâng cấp, mở rộng trên cơ sở áp dụng các tài sản trí tuệ;

+ Kết quả, sản phẩm được áp dụng thực tiễn hoặc giải quyết các vấn đề về lý luận, khoa học trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, có tính bền vững và có khả năng duy trì, nhân rộng sau khi nhiệm vụ kết thúc;

+ Không trùng lặp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình đã và đang thực hiện;

+ Nhiệm vụ phải có sự cam kết sử dụng, áp dụng của chủ sở hữu tài sản trí tuệ được hình thành;

+ Thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình tối đa là 36 tháng. Trường hợp đặc biệt do Thủ trưởng cơ quan phê duyệt nhiệm vụ quyết định.

Hồ sơ đề xuất nhiệm vụ thực hiện theo Quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh và gửi về tổ chức quản lý Chương trình theo phân cấp trước ngày 30/4 hàng năm để phê duyệt thực hiện trong năm tiếp theo. Đối với nhiệm vụ đề xuất thực hiện năm 2022 gửi Sở Khoa học và Công nghệ **trước ngày 25/01/2022** *(theo mẫu gửi kèm theo).*

II. Kinh phí sử dụng

1. Đối với nhiệm vụ thường xuyên thuộc Chương trình: Ngân sách nhà nước đảm bảo hỗ trợ 100% kinh phí.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình : Ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nguyên tắc sau:

- Đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100 % kinh phí thực hiện nhiệm vụ;

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí trên cơ sở khả năng thu của đơn vị (tỷ lệ ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 70 % tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ);

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp và các tổ chức khác Ngân sách nhà nước

hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

Hàng năm các đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện theo các quy định hiện hành.

3. Phân cấp quản lý:

- Sở Khoa học và Công nghệ: Quản lý và tổ chức triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình có sử dụng ngân sách cấp tỉnh.

- Các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Quản lý và tổ chức triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình có sử dụng ngân sách do đơn vị quản lý và báo cáo kết quả về sở Khoa học và Công nghệ trước 10/12 hàng năm.

III. Yêu cầu đối với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

1. Yêu cầu đối với tổ chức chủ trì: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

- Có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ;

- Có khả năng huy động kinh phí đối ứng thực hiện nhiệm vụ;

- Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia không vi phạm các quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Yêu cầu đối với chủ nhiệm nhiệm vụ: Chủ nhiệm nhiệm vụ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

- Có trình độ đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực của nhiệm vụ hoặc là tác giả của các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ đã đăng ký.

- Có khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc của chủ nhiệm nhiệm vụ.

- Không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

Sở Khoa học và Công nghệ kính đề nghị các Đơn vị quan tâm triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLCNg.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH QUẢNG NINH

Bùi Quang Minh

PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG
NHIỆM VỤ KH&CN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH ĐẾN NĂM 2030 THỰC HIỆN TỪ NĂM 2022

I. TÊN NHIỆM VỤ

.....

.....

II. TÍNH CẤP THIẾT (CĂN CỨ ĐỀ XUẤT/ĐẶT HÀNG)

.....

.....

.....

.....

III. MỤC TIÊU

.....

.....

.....

.....

IV. DỰ KIẾN CÁC NỘI DUNG CHÍNH CẦN THỰC HIỆN

.....

.....

.....

.....

.....

V. DỰ KIẾN KẾT QUẢ, SẢN PHẨM

.....

.....

.....

.....

.....

VI. DỰ KIẾN ĐƠN VỊ/ĐỊA ĐIỂM ÁP DỤNG THỰC TIỄN, ĐƠN VỊ HƯỞNG LỢI CÁC KẾT QUẢ, SẢN PHẨM

.....

.....

.....

.....

VII. YÊU CẦU VỀ CHUYÊN MÔN, NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ, PHỐI HỢP THỰC HIỆN

.....

.....

.....

.....

VIII. THỜI GIAN THỰC HIỆN

.....

.....

IX. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ

1. Tên tổ chức đề xuất:.....

2. Địa chỉ: .....

3. Cán bộ xử lý/Chủ nhiệm nhiệm vụ

- Họ và tên: .....Chức vụ: .....
- Điện thoại: ..... Email: .....

TỔ CHỨC ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG

(Ký tên và đóng dấu của tổ chức)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3683/QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 21 tháng 10 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/06/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý tài chính chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 78/TTr-SKHCN ngày 29 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030" (sau đây viết tắt là Chương trình) với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đưa sở hữu trí tuệ thành công cụ quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Tạo môi trường thuận lợi khuyến khích đổi mới sáng tạo góp phần phát triển kinh tế xã hội.

- Đến năm 2030 Quảng Ninh trở thành tỉnh thuộc nhóm đứng đầu về bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Số văn bằng bảo hộ được cấp tăng 20% so với giai đoạn 2016-2020.

- Hỗ trợ đăng ký bảo hộ quốc tế đối với 02 sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Tối thiểu có 60% sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

- Tối thiểu có 60% sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

- Hỗ trợ khai thác, phát triển tài sản trí tuệ cho từ 1-2 sản phẩm hình thành từ các sáng chế, giải pháp hữu ích, đổi mới, chuyển giao công nghệ.

b) Đến năm 2030:

- Số văn bằng bảo hộ được cấp tăng 50% so với giai đoạn 2016-2020.

- Hỗ trợ đăng ký bảo hộ quốc tế đối với 02-03 sản phẩm.

- 100% các sản phẩm chủ lực mang tính đặc thù của tỉnh được bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

- Tối thiểu có 80% sản phẩm, dịch vụ chủ lực của tỉnh đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

- Tối thiểu có 80% sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

- Hỗ trợ khai thác, phát triển tài sản trí tuệ cho từ 3-4 sản phẩm hình thành từ các sáng chế, giải pháp hữu ích, đổi mới, chuyển giao công nghệ.

II. QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc quản lý

- Thực hiện theo quy định của Luật khoa học và công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Việc quản lý Chương trình phải bảo đảm công khai, minh bạch. Các nhiệm vụ thuộc Chương trình được triển khai theo đúng mục tiêu, nội dung và không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của chủ thể quyền khác.

- Sử dụng kinh phí của Chương trình đúng mục đích, có hiệu quả, không lãng phí, tuân thủ Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

2. Nhiệm vụ thuộc chương trình

Nhiệm vụ thuộc Chương trình bao gồm các nhiệm vụ thường xuyên và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình.

a) Nhiệm vụ thường xuyên thuộc Chương trình: Là loại nhiệm vụ thực hiện trong khoảng thời gian ngắn, việc tổ chức triển khai không cần huy động sự tham

gia của nhiều tổ chức, cá nhân và được thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán kinh phí sự nghiệp hàng năm của Sở Khoa học và Công nghệ, bao gồm:

- Thực hiện hỗ trợ có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương và của Tỉnh.

- Tổ chức các cuộc thi, đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm, thanh kiểm tra… trong phạm vi Chương trình.

- Sơ kết, tổng kết chương trình và vinh danh, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ tại các hội nghị đó.

- Công tác tuyên truyền các nội dung thuộc chương trình.

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình: Là các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có mục tiêu xây dựng thương hiệu, quản lý Chương trình, các dự án hình thành, phát triển từ khai thác tài sản trí tuệ.

c) Phân cấp quản lý:

- Sở Khoa học và Công nghệ: Quản lý và tổ chức triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình có sử dụng ngân sách tỉnh.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố quản lý và tổ chức triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình có sử dụng ngân sách địa phương.

III. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ

a) Hỗ trợ tra cứu, khai thác thông tin sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm tạo ra các tài sản trí tuệ được bảo hộ và bài báo khoa học có tính ứng dụng cao.

b) Hỗ trợ xây dựng, triển khai hoạt động quản trị tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ; Thúc đẩy hợp tác giữa các viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp nhằm tạo ra các kết quả nghiên cứu được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

c) Phát triển đội ngũ dịch vụ hỗ trợ tư vấn về sở hữu trí tuệ.

d) Triển khai các lớp tập huấn từ cơ bản đến chuyên sâu về sở hữu trí tuệ phù hợp với từng nhóm đối tượng.

e) Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện hoạt động xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường sản phẩm chủ lực của tỉnh.

f) Hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước đối với các đối tượng theo quy định tại Nghị quyết số 313/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số cơ chế tài chính khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025.

2. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

a) Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm thuộc Chương trình OCOP gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ.

b) Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm được bảo hộ theo chuỗi giá trị. Giới thiệu, quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại khác nhằm khai thác, phát triển giá trị các tài sản trí tuệ.

c) Triển khai quy định về quản lý và sử dụng biểu tượng sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, hỗ trợ sử dụng biểu tượng chủ lực cấp tỉnh.

d) Hỗ trợ khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích của Việt Nam được bảo hộ,khuyến khích việc áp dụng các sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ hoặc hết thời hạn bảo hộ tại Việt Nam.

3. Tăng cường các hoạt động quản lý, thực thi quyền sở hữu trí tuệ

a) Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, liên ngành nhằm xử lý các hành vi sản xuất kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

b) Liên kết đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ cho cán bộ quản lý cấp ngành, cấp huyện. Tổ chức hoạt động trao đổi kinh nghiệm quản lý, phát triển tài sản trí tuệ giữa các địa phương trong và ngoài tỉnh.

4. Hình thành, tạo dựng văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và xây dựng ý thức, trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

b) Sơ kết, tổng kết Chương trình, vinh danh, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 2; lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 4, Thông tư 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý tài chính chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức triển khai Chương trình.

- Chỉ trì hướng dẫn tổ chức, cá nhân đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

- Tổ chức quản lý và thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo quy định; tổ chức đánh giá sơ kết, tổng kết Chương trình.

- Thực hiện việc tổng hợp, báo cáo định kỳ theo quy định tại Quyết định 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cân đối nguồn lực hàng năm, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình.

3. Sở Công Thương: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất các nhiệm vụ hỗ trợ đẩy mạnh xúc tiến thương mại, giao thương kết nối cung cầu, xây dựng quảng bá thương hiệu sản phẩm trên địa bàn tỉnh, tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất, xác định các nhiệm vụ hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề chủ lực, đặc thù, có lợi thế gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), từng bước xây dựng, nâng cao thương hiệu sản phẩm nông lâm thủy sản và các sản phẩm làng nghề tỉnh Quảng Ninh.

5. Sở Văn hóa - Thể thao: Triển khai và tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến lĩnh vực quyền tác giả và quyền liên quan đối với lĩnh vực văn hóa, văn học nghệ thuật trên địa bàn tỉnh.

6. Trung Tâm truyền thông tỉnh: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tăng cường tuyên truyền về các nội dung liên quan đến triển khai Chương trình trên các hạ tầng báo chí của Trung tâm Truyền thông tỉnh.

7. Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật tỉnh Quảng Ninh: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp các thông tin các giải pháp đạt giải ở cuộc thi , hội thi về sáng tạo khoa học và kỹ thuật của tỉnh và quốc gia có tính ứng dụng cao, có khả năng áp dụng vào sản xuất và đời sống để bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

8. Các Sở, ban, ngành: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Tuyên truyền phổ biến Chương trình đến người dân và doanh nghiệp.

- Chủ động đề xuất, đặt hàng các nhiệm thuộc Chương trình theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình trên địa bàn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành;

Các ông (bà):Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- V0,V2,NLN3, TM3;
- Lưu: VT,NLN1 (10b-QD235).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hạnh

PHỤ LỤC
DANH MỤC NHIỆM VỤ CHÍNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 3683/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

TT	Tên nhiệm vụ	Hình thức thực hiên/ Nguồn kinh phí	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng phóng sự tư liệu tuyên truyền về các nội dung liên quan đến triển khai chương trình *(mỗi năm 2-3 phóng sự)*	NV thường xuyên/ Kinh phí Sự nghiệp KHCN	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính - Trung tâm truyền thông - Các Sở, ngành liên quan	Hàng năm
2	Tổ chức tập huấn về sở hữu trí tuệ (mỗi năm 1 cuộc)	NV thường xuyên/ Kinh phí sự nghiệp KHCN	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp liên quan	Hàng năm
3	Hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết 313/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các Nghị quyết chuyển tiếp sau năm 2025	NV thường xuyên/ Kinh phí Sự nghiệp KHCN	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính - Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Hàng năm
4	Hỗ trợ đăng ký bảo hộ quốc tế (2022-2025 = 2 sản phẩm; 2026-2030 = 2-3 sản phẩm)	NV thường xuyên và NV KHCN/ Kinh phí Sự nghiệp KHCN và Kinh phí trung ương (nếu có)	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính; - Các Sở ngành, địa phương liên quan	2022-2030
5	Hỗ trợ khai thác, phát triển tài sản trí tuệ cho sản phẩm hình thành từ các sáng chế, giải pháp hữu ích, đổi mới, chuyển giao công nghệ *(2021-2025 = 1-2 sản phẩm; 2025-2030 = 3-4 sản phẩm)*	NV KHCN/ Kinh phí Sự nghiệp KHCN và Kinh phí trung ương	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính - Các Sở, ngành, địa phương và các tổ chức cá nhân liên quan	2021-2030

6	Tổ chức sơ kết năm 2025; tổng kết năm 2030	NV thường xuyên/ Kinh phí Sự nghiệp KHCN	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính - Các Sở, ngành, địa phương và các tổ chức cá nhân liên quan	2025 và 2030
7	Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm được bảo hộ theo chuỗi giá trị.	- Nhiệm vụ KHCN. - Nguồn kinh phí sự nghiệp KHCN và Kinh phí trung ương	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính - Các sở, ngành, địa phương liên quan - Các tổ chức, cá nhân có liên quan	2022-2030
8	Triển khai các nhiệm vụ xây dựng, đăng ký chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực đặc thù của tỉnh	NV KHCN/ Kinh phí Sự nghiệp KHCN và Kinh phí trung ương (nếu có)	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính - Các Sở NN&PTNT; - Ban xây dựng nông thôn mới; - Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022-2030